

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HSST

Ngày: 25/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Hồng Vân

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Công - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Bùi Thị Hoa - Cán bộ nghỉ hưu

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Trần Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Bùi Thị Tr; Tên gọi khác: không

Sinh ngày 10/12/1970 tại: Xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Khối 6A, phường Cửa Nam, TP Vinh, Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông: Bùi Văn Thanh (chết)

Con bà: Nguyễn Thị Trí (chết)

Anh chị em ruột: Gia đình có 10 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Chồng: Lê Văn Phụng, sinh năm: 1959

Hiện cư trú tại nước Cộng hòa Ba Lan

Con: có 02 con. Lớn sinh năm 1990; nhỏ sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự : không.

Nhân thân: Ngày 29/4/2009 bị Tòa án nhân dân tị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An, kể từ ngày 21/12/2016;

- Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1959; trú tại: thôn Lam Thủy, xã X Giang, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.
2. Anh Ngô Kim H; sinh năm: 1967; trú tại: khối 6, thị trấn X An, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.
3. Chị Nguyễn Thị X; sinh năm: 1956; trú tại: khối 1, thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.
4. Chị Trần Thị Huệ; sinh năm: 1965; trú tại: Khối 7, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bùi Thị Tr bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng cuối tháng 10/2012 (ngày không xác định được), chị Nguyễn Thị T trú tại thôn Lam Thủy, xã X Giang, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh đặt vấn đề với Bùi Thị Tr xin việc làm cho con trai tên là Hồ Minh Thịnh. Do không có tiền tiêu xài nên Tr đã nói dối chị T là Tr xin được vào làm việc tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An, số tiền chi phí phải đưa cho Tr 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), hẹn đến tháng 3/2013 sẽ có Quyết định cho con chị T đi làm. Chị T đồng ý đưa tiền cho Tr hai lần:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 11/2012 (ngày không xác định được) tại nhà Tr, chị T đã đưa cho Tr số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), Tr nhận tiền rồi viết giấy nhận tiền đưa cho chị T.

- Lần thứ hai: Vào ngày 21/11/2012, tại nhà Tr, chị T đã đưa cho Tr số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), Tr nhận tiền và ký vào tờ hợp đồng xin việc do chị T thảo sẵn (chị T trả lại tờ giấy Tr viết trước đó và viết chung số tiền Tr nhận là 180.000.000 đồng).

Tổng số tiền Bùi Thị Tr chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T là 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng. Số tiền chiếm đoạt của chị T, Tr đã tiêu xài cho cá nhân hết.

- Khoảng đầu tháng 8/2016, Tr đã trả cho chị T số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)

- Khoảng đầu tháng 5/2017, gia đình Tr tự nguyện khắc phục hậu quả do Tr gây ra cho chị T số tiền là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự gì thêm.

Vụ thứ hai: Khoảng đầu tháng 01/2013 (ngày không xác định được), anh Ngô Kim H trú tại khối 6, thị trấn X An, huyện Nghi X, tỉnh Hà Tĩnh đặt vấn đề với Tr xin việc làm cho con gái tên là Ngô Thị Kim Nhung vào dạy học. Do không có tiền tiêu xài cho cá nhân nên Tr đã nói dối anh H là Tr xin được vào dạy học tại trường trung học phổ thông VTC, TP Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền chi phí phải đưa cho Tr là 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng, hẹn đến tháng 9/2013 sẽ có Quyết định cho con anh H đi làm. Anh H đồng ý đưa tiền cho Tr:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 28/01/2013, tại nhà Tr, anh H đã đưa cho Tr số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng, Tr nhận tiền rồi ký vào giấy nhận tiền đưa cho anh H.

- Lần thứ hai: Sau khi chiếm đoạt tiền của anh H, Tr tiếp tục gọi điện nói dối anh H là Trường trung học phổ thông VTC, TP Vinh, tỉnh Nghệ An chưa vào dạy được, có chỉ tiêu vào dạy học tại trường năng KH thể dục, thể thao tỉnh Nghệ An, chi phí phải đưa thêm cho Tr số tiền là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng. Anh H đồng ý, vào ngày 06/10/2013, tại nhà Tr, vợ chồng anh H đã đưa trước cho Tr số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng, Tr nhận tiền và ký vào giấy nhận tiền đưa cho anh H.

Tổng số tiền Bùi Thị Tr chiếm đoạt của anh Ngô Kim H là 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng. Số tiền chiếm đoạt của anh H, Tr đã tiêu xài cho cá nhân hết.

Về dân sự: Anh Ngô Kim H yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự số tiền 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng (vì trước đó Tr đã vay của vợ anh H tên là Trần Thị Lài số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, Tr đã trả lại cho chị Lài số tiền 105.000.000 (Một trăm linh năm triệu) đồng, ngoài ra anh H không yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ ba: Khoảng giữa tháng 7/2015 (ngày không xác định được), chị Nguyễn Thị X trú tại khối 1, thị trấn M, huyện K, tỉnh Nghệ An đặt vấn đề với Tr xin việc làm cho con gái tên là Nguyễn Thị Tr1. Do không có tiền tiêu xài cho cá nhân nên Tr đã nói dối chị X là Tr xin được vào làm việc tại Bệnh viện Công an tỉnh Nghệ An, số tiền chi phí là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng phải đưa trước cho Tr 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, hẹn đến tháng 12/2015 sẽ có Quyết định cho con chị X đi làm. Chị X đồng ý đưa tiền cho Tr:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 31/7/2015 tại nhà Tr, chị X đã đưa cho Tr số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, Tr nhận tiền rồi viết giấy nhận tiền đưa cho chị X.

- Lần thứ hai: Khoảng giữa tháng 9/2015 (ngày không xác định được), Tr gọi điện thoại nói dối chị X là đưa thêm cho Tr 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng,

để làm thủ tục hồ sơ xin việc cho con chị X. Chị X đồng ý, vào ngày 17/9/2015, tại nhà Tr, chị X đã đưa cho Tr số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, Tr nhận tiền và viết giấy nhận tiền đưa cho chị X.

- Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 7/2016 (ngày không xác định được), Tr gọi điện thoại nói dối chị X là đưa thêm cho Tr 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng để làm thủ tục cho con chị X đi khám sức khỏe. Chị X đồng ý, vào ngày 08/7/2016, tại nhà Tr, chị X đã đưa cho Tr số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, Tr nhận tiền và viết giấy nhận tiền đưa cho chị X. Số tiền chiếm đoạt của chị X, Tr đã tiêu xài cho cá nhân hết.

Tổng số tiền Bùi Thị Tr chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị X là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Số tiền chiếm đoạt của chị T, Tr đã tiêu xài cho cá nhân hết.

- Đến ngày 03/3/2017, gia đình Tr tự nguyện khắc phục hậu quả do Tr gây ra cho chị X số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự gì thêm.

Vụ thứ tư: Khoảng đầu tháng 11/2015 (ngày không xác định được), chị Trần Thị Huệ trú tại khối 7, phường Ng, thị xã C, tỉnh Nghệ An đặt vấn đề với Bùi Thị Tr: Xin việc làm cho con trai tên là Phạm Bá D hoàn thành nghĩa vụ Công an ra quân muốn xin tuyển dụng trở lại ngành Công an. Tr đã nói dối chị X là Tr xin được tuyển dụng vào trung đoàn Cảnh sát cơ động K20, Bộ Công an, đóng quân tại tỉnh Nghệ An, số tiền chi phí là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng phải đưa trước cho Tr 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, chị X đồng ý. Vào ngày 05/11/2015 tại nhà Tr, chị Huệ đã đưa cho Tr số tiền 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng, Tr nhận tiền rồi viết giấy nhận tiền đưa cho chị Huệ. Số tiền chiếm đoạt của chị Huệ, Tr đã tiêu xài cho cá nhân hết.

- Khoảng cuối tháng 10/2016 (ngày không xác định được), Bùi Thị Tr đã trả cho chị Huệ số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

- Ngày 18/7/2017, gia đình Bùi Thị Tr đã tự nguyện khắc phục hậu quả do Tr gây ra cho chị Huệ số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Về dân sự: Chị Trần Thị Huệ cho Tr một phần số tiền Tr đã chiếm đoạt là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự số tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Bản cáo trạng số 107 ngày 18 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Bùi Thị Tr về tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 điều

139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Bùi Thị Tr 7 đến 8 năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự và án phí đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người bị hại không có ý kiến gì về phần hình phạt đối với bị cáo.

Những người bị hại là anh Ngô Kim H yêu cầu bị cáo bồi thường 175.000.000 đồng; Chị Trần Thị H có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xác nhận bị cáo Bùi Thị Tr đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo Tr chiếm đoạt, nay không có yêu cầu gì thêm.

Chị Nguyễn Thị T trong suốt quá trình điều tra đều khẳng định bị cáo Bùi Thị Tr đã trả lại toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt cho chị và không yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự gì thêm. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, chị T lại cho rằng lời khai của chị tại cơ quan điều tra là không đúng, thực tế bị cáo mới bồi thường cho chị 95.000.000 đồng, Tr còn phải bồi thường cho chị 85.000.000 đồng, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Tr tiếp tục bồi thường cho chị số tiền trên.

Bị cáo Tr đồng ý bồi thường số tiền chiếm đoạt của các bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các vật chứng tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ của vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Do không có tiền để tiêu xài cho cá nhân, Bùi Thị Tr đã nảy sinh thủ đoạn gian dối là xin việc làm vào công chức Nhà nước, tuyển dụng vào ngành Công an để chiếm đoạt tiền của người khác. Từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2015 bị cáo Bùi Thị Tr đã thực hiện 04 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại gồm: Chị Nguyễn Thị T 180.000.000 đồng, anh Ngô Kim H 180.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị X 400.000.000 đồng, chị Trần Thị Huệ 130.000.000 đồng với tổng số tiền là 890.000.000 (Tám trăm, chín mươi triệu) đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo Bùi Thị Tr bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo Bùi Thị Tr là người có sức khỏe, có gia đình, nhưng ý thức chấp hành pháp luật kém, hám lợi bất chính nên dẫn đến phạm tội. Hành vi của bị cáo Tr đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài để giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Tr có thái độ khai báo thành khẩn, nhân thân đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, hiện tại không có tiền án, tiền sự; bị cáo cùng gia đình bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại, người bị hại là chị Nguyễn Thị X, chị Trần Thị Huệ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có chồng là thương binh, thương tật hạng 4/4, tỉ lệ 31%; Quá trình sinh sống trước khi phạm tội, bị cáo đã có công trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nghi Lộc có công văn xác nhận và đề nghị xem xét cho bị cáo Bùi Thị Tr được hưởng chính sách pháp luật theo quy định. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định cho bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với hành vi Bùi Thị Tr vay tiền của chị Nguyễn Thị Ngọc M, sau đó chị M mới đặt vấn đề xin việc cho em trai. Cơ quan điều tra xác định đây là vấn đề dân sự nên không xem xét, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị X, chị Trần Thị Huệ đã được bị cáo Tr bồi thường toàn bộ thiệt hại, không yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, anh Ngô Kim H yêu cầu Bùi Thị Tr phải bồi thường dân sự số tiền là 175.000.000 đồng (vì trước đó Tr đã vay của vợ anh H tên là Trần Thị Lài số tiền là 100.000.000 đồng, Tr đã trả lại cho chị Lài số tiền là 105.000.000 đồng). Xét yêu cầu của anh Ngô Kim H là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Tr đồng ý bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, trong quá trình điều tra chị T khẳng định bị cáo Tr đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt và chị không có yêu cầu gì

thêm về bồi thường dân sự, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị lại yêu cầu bị cáo Tr bồi thường 85.000.000 đồng vì bị cáo Tr chỉ mới bồi thường 95.000.000 đồng. Bị cáo Tr cũng thừa nhận như lời khai của chị T và chấp nhận bồi thường số tiền chị T yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Tr và anh Ngô Kim H, chị Nguyễn Thị T thống nhất được về vấn đề bồi thường dân sự, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo hiện tại hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Bùi Thị Tr phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Tr phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Tr 07 (Bảy) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/12/2016

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự; điều 608 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Bùi Thị Tr phải bồi thường cho các bị hại như sau:

Anh Ngô Kim H số tiền 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng;

Chị Nguyễn Thị T số tiền 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng.

Tổng số tiền bị cáo Bùi Thị Tr phải bồi thường cho những người bị hại nói trên là 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Thị Tr phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên tòa án cấp cao tại Hà Nội

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bản án hoặc bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo,
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Hồng Vân

